|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH BẮC GIANG**  Số: /TTr-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Bắc Giang, ngày tháng năm 2023* |

**Dự thảo**

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định một số chính sách thực hiện Bố trí dân cư các vùng thiên tai, vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn**

**tỉnh Bắc Giang đến năm 2030**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020.

UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định một số chính sách hỗ trợ thực hiện bố trí dân cư các vùng thiên tai, vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN**

**1. Căn cứ pháp lý**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;*

*Căn cứ điểm d, khoản 7, mục VI, Điều 1 Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18/05/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;*

*Căn cứ khoản 1, mục III Công văn số 5668/BNN-KTHT ngày 29/8/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn triển khai Chương trình Bố trí dân cư theo Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18/05/2022 của Thủ tướng Chính phủ có hướng dẫn "Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ để thực hiện các nội dung, giải pháp của Chương trình tại địa phương”.*

**2. Căn cứ thực tiễn**

Giai đoạn 2013 – 2020, tỉnh Bắc Giang đã thực hiện bố trí ổn định dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013 - 2015, định hướng đến năm 2020cho 767 hộ (trong đó hình thức di dân tập trung 307 hộ, xen ghép 217 hộ, ổn định tại chỗ 243 hộ), sinh sống tại các khu vực có nguy cơ cao về thiên tai về nơi ở mới, đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản của người dân. Đồng thời xây dựng hoàn thiện kết cấu hạ tầng và phúc lợi công cộng, làm thay đổi diện mạo nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào các dân tộc, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận với các nguồn vốn, khoa học kỹ thuật ứng dụng vào sản xuất, phát huy thế mạnh sản phẩm đặc trưng của xã, tạo công ăn việc làm cho nhân dân địa phương, góp phần xóa đói, giảm nghèo, phát triển kinh tế xã hội địa phương.

Thực hiện Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ qua rà soát xác định nhu cầu bố trí ổn định dân cư trên địa bàn tỉnh Bắc Giang hiện có 378 hộ (thuộc các huyện Việt Yên, Yên Dũng, Lục Ngạn) sinh sống tại các vùng chịu ảnh hưởng của thiên tai, du cư trên đầm phá, các làng chài trên sông nước, hộ gia đình sinh sống ở vùng thiếu đất, nước để sản xuất cơ sở hạ tầng thiếu thốn có đời sống đặc biệt khó khăn cần bố trí ổn định dân cư để đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản của các hộ dân, ổn định đời sống, phát triển xuất góp phần phát triển kinh tế xã hội địa phương.

Từ những căn cứ pháp lý và thực tế nêu trên, việc xây dựng và ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh "*Quy định một số chính sách thực hiện Bố trí dân cư các vùng thiên tai, vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2030”*để cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và cơ chế, chính sách của trung ương về bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh Bắc Giang là cần thiết.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

**1. Mục đích**

Nghị quyết này để cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và cơ chế, chính sách của trung ương về bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

**2. Quan điểm xây dựng văn bản**

Ban hành Nghị quyết đảm bảo phù hợp với các quy định của Trung ương, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và các quy định của pháp luật hiện hành.

Tạo động lực, tính khả thi và khuyến khích được các hộ gia đình, cá nhân nằm trong vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn tự nguyên di chuyển để ổn định cuộc sống theo đúng đối tượng, nội dung, điều kiện quy định.

Đảm bảo tính hiệu quả, tính hợp lý trong triển khai thực hiện chính sách (mức hỗ trợ cao hơn giai đoạn trước).

**III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020. UBND tỉnh đã thực hiện trình tự, thủ tục ban hành Nghị quyết, như sau:

Sau khi có Văn bản số 764/HĐND-CTHĐND ngày 19/9/2023 của Thường trực HĐND tỉnh về việc chấp thuận xây dựng nghị quyết thực hiện bố trí dân cư các vùng thiên tai, vùng đặc biệt khó khăn*.* UBND tỉnh đã giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố xây dựng và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết; tổ chức lấy ý kiến của Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, UBND các huyện, thành phố; Sở Nông nghiệp và PTNT đã tiếp thu ý kiến đóng góp đối với dự thảo Nghị quyết; hồ sơ đã được Sở Tư pháp thẩm định đúng trình tự quy định; được Văn phòng UBND tỉnh tổ chức thẩm tra ngày ... /.../2023. Dự thảo Nghị quyết đã được UBND tỉnh thông qua tại phiên họp tháng .../2023; được Đảng Đoàn HĐND tỉnh thẩm định ngày .../11/2023; được Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông qua tại Hội nghị thường kỳ tháng 11/2023.

**IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT**

**1. Bố cục**

Bố cục của dự thảo Nghị quyết gồm: 07 Điều:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

Điều 4. Điều kiện hỗ trợ

Điều 5. Nội dung, phương thức và mức hỗ trợ

# Điều 6. Nguồn kinh phí

Điểu 7. Tổ chức thực hiện

**2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết**

**2.1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này Quy định một số chính sách thực hiện Bố trí dân cư các vùng thiên tai, vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2030.

**2.2. Đối tượng áp dụng**

a) Hộ gia đình, cá nhân (hộ đơn thân) được bố trí ổn định theo hình thức tái định cư tập trung, xen ghép theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm:

- Hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đang sinh sống trong vùng thiên tai (có nguy cơ mất nhà ở, đất ở do sạt lở đất, sụt lún đất, đá, lốc, lũ, lũ quét, ngập lụt, nước dâng), vùng đặc biệt khó khăn (thiếu đất, nước để sản xuất, du cư trên các làng chài trên sông nước, ô nhiễm môi trường).

- Các hộ dân thuộc dự án Sắp xếp và ổn định dân cư vùng sạt lở xã Thắng Cương, huyện Yên Dũng (giai đoạn 2); các hộ dân nằm trong vùng đặc biệt khó khăn thuộc xã Vân Hà huyện Việt Yên; các hộ dân trong vùng có nguy cơ xảy ra lốc, lũ, lũ quét, ngập lụt, nước dâng trên địa bàn huyện Lục Ngạn.

b) Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã (nơi tiếp nhận di dân) và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước thực hiện hỗ trợ bố trí dân cư.

c) Không bao gồm phạm vi và đối tượng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt chương trình mục tiêu Quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

**2.3. Nguyên tắc thực hiện**

a) Bố trí dân cư phải gắn với đất sản xuất, phù hợp quy hoạch xây dựng nông thôn mới và các quy hoạch khác trên địa bàn. Ưu tiên bố trí ổn định dân cư để khắc phục, phòng, tránh và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai (sạt lở đất, sụt lún đất, đá, lốc, lũ, lũ quét, ngập lụt, nước dâng), trong đó các hộ mất nhà ở, chỗ ở và các hộ có nguy cơ cao hơn được ưu tiên thực hiện trước.

b) Sắp xếp, ổn định dân cư phải trên cơ sở nguyện vọng và sự đồng thuận của người dân, cộng đồng dân cư, phù hợp với phong tục, tập quán sinh hoạt, sản xuất của người dân địa phương, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, đảm bảo điều kiện kết cấu hạ tầng thiết yếu, an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh và môi trường sinh thái.

c) Thực hiện bố trí dân cư xen ghép là chủ yếu, kết hợp với di dân tập trung. Phạm vi bố trí dân cư chủ yếu trên địa bàn cấp xã, huyện; Trường hợp bố trí ổn định dân cư ngoài huyện, phải có sự thống nhất của Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi dân đi và nơi dân đến.

d) Mỗi hộ gia đình, cá nhân chỉ được hỗ trợ 01 (một) lần.

e) Trong cùng một thời điểm nếu có nhiều chính sách hỗ trợ từ nhà nước với cùng nội dung và đối tượng hỗ trợ thì chỉ được hưởng mức hỗ trợ cao nhất.

**2.4. Điều kiện hỗ trợ**

a) Hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển nhà đến nơi ở mới theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Hộ gia đình, cá nhân chỉ được hỗ trợ khi có 01 (một) nhà ở duy nhất tại khu vực có nguy cơ xảy ra thiên tai, đặc biệt khó khăn mà không có nhà ở tại khu vực an toàn khác.

**2.5. Nội dung, phương thức và mức hỗ trợ**

a) Ngân sách nhà nước hỗ trợ trực tiếp các hộ gia đình, cá nhân là 30 triệu đồng/hộ, bao gồm: Di chuyển người và tài sản, khai hoang, nhà ở, lương thực (trong thời gian đầu tại nơi tái định cư), nước sinh hoạt (nơi không có điều kiện xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung). Việc hỗ trợ đối với hộ gia đình, cá nhân thực hiện thông qua người đại diện của gia đình là chủ hộ hoặc người đại diện cho hộ gia đình (là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, được ủy quyền bằng văn bản thay mặt hộ gia đình nhận hỗ trợ). Cơ quan được giao nhiệm vụ hỗ trợ thực hiện lập bảng kê hỗ trợ hộ gia đình, cá nhân trong đó ghi rõ họ và tên, địa chỉ người đại diện hộ gia đình được hỗ trợ; số tiền hỗ trợ.

b) Ngân sách nhà nước hỗ trợ địa bàn nơi bố trí dân cư xen ghép (cấp xã) là 60 triệu đồng/hộ, để thực hiện các nội dung: Điều chỉnh đất ở, đất sản xuất giao cho các hộ mới đến (khai hoang, bồi thường theo quy định khi thu hồi đất của các tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất); Xây mới hoặc nâng cấp lớp học, trạm y tế, thủy lợi nội đồng, đường dân sinh, công trình điện sinh hoạt, công trình cấp nước cộng đồng (các hạng mục công trình được lựa chọn để nâng cấp hoặc đầu tư mới theo thứ tự ưu tiên, có sự tham gia của cộng đồng người dân sở tại). Ngân sách nhà nước hỗ trợ thông qua cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện chương trình bố trí dân cư tại địa phương.

c) Ngân sách nhà nước hỗ trợ đào tạo nghề, tạo việc làm bền vững trực tiếp cho người lao động thuộc hộ gia đình được bố trí đến vùng dự án bố trí ổn định dân cư:

- Hỗ trợ 10 triệu đồng/hộ để mua sắm nông cụ, máy móc làm dịch vụ sản xuất nông nghiệp, làm các ngành nghề khác trong trường hợp chính quyền địa phương không bố trí được đất sản xuất, thì hộ không có đất được hỗ trợ 01 (một) lần chuyển đổi nghề.

- Trường hợp hộ dân không có nhu cầu mua sắm nông cụ, máy móc thì được hỗ trợ học nghề để chuyển đổi nghề theo quy định tại Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND ngày 01/4/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang quy định danh mục nghề và mức hỗ trợ chi phí đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

**2.6. Nguồn kinh phí**

Nguồn ngân sách địa phương, nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, kế hoạch, dự án và các nguồn vốn hợp pháp khác.

**2.7.** **Tổ chức thực hiện**

a) Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

b) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

**V. CÁC Ý KIẾN KHÁC**

Hồ sơ đã được tiếp thu, bổ sung và hoàn thiện theo các nội dung tham gia ý kiến của các đại biểu tại các cuộc họp, thẩm định.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định một số chính sách thực hiện Bố trí dân cư các vùng thiên tai, vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2030. UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

***Xin gửi kèm theo****:*

*1. Dự thảo Nghị quyết.*

*2. Báo cáo tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến của các sở ngành, địa phương.*

*3. Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp;*

*4. Tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.*

*5. Báo cáo thuyết minh căn cứ xây dựng Nghị quyết.*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Lưu VT. | **TM. UBND TỈNH**  **CHỦ TỊCH**  **Lê Ánh Dương** |